

## Question &amp; Answer of the joint Seminar by ISPONRE and JEAS to explain the Revised Environment Protection Law (LEP2020) in Vietnam

No.	Question 質問		Answer 回答	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
1	新しくなった環境保護法では、環境に対して前向きな取り組みを行っている企業などに対して、補助金などの経済面でのメリットや、表彰の制度はあるのでしょうか？	Trong Luật Bảo vệ Môi trường mới của Việt Nam có quy định về lợi ích về mặt kinh tế như được hỗ trợ ngân sách hay có chế độ khen thưởng gì đối với doanh nghiệp có hoạt động tích cực đối với môi trường không?	環境保護法第141条及び決議No. 08/2022/ND-CP第131条～第135条は環境保護における優遇・支援政策を制定している。	Điều 141 Luật BVMT và Điều 131 -135 Nghị định số 08/2022/ND-CP quy định về ưu đãi, hỗ trợ trong BVMT.
2	①廃棄物焼却施設でEIAが求められる施設規模は設定されていますでしょうか？また、廃棄物焼却施設はどのグループ（I, II, III, IV）に設定されていますでしょうか。②また、焼却灰は有害との規定でしょうか。その場合、処理方法の規定はありますか？	Có các quy định yêu cầu ĐTM đối với các cơ sở có lò đốt chất thải không? Các cơ sở có lò đốt chất thải được phân loại là nhóm nào trong các nhóm I, II, III, IV? Tro lò đốt có được quy định là chất nguy hại không? Trong trường hợp đó thì có quy định về phương pháp xử lý không?	廃棄物焼却施設は決議No. 08/2022付録IIに基づくレベルII第9目に制定されている環境に汚染を引き起こすリスクがある生産・経営・サービスの対象である。焼却灰は有害廃棄物であり、有害廃棄物の間値に関する国家技術基準QCVN07:2009/BTNMT及び廃棄物焼却排気ガスに関する国家技術基準QCVN30:2012/BTNMTに基づき分類されている。	lò đốt chất thải thuộc mục 9 mức II loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022. Căn cứ vào quy mô, công suất được phân loại vào nhóm I hoặc nhóm II theo quy định. Việc phân loại tro lò đốt là CTNH được xác định theo QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại và QCVN 30:2012/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải
3	改正環境保護法において、風力発電プロジェクト（陸上、洋上）は、環境影響評価（DTM）の対象となりますでしょうか。なるとなれば、グループ～4のどれに分類されますか。	Trong Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi, dự án phát điện gió (trên đất liền, trên biển) có thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM không? Nếu có thì dự án này thuộc nhóm nào trong các nhóm từ I đến IV?	風力発電プロジェクト（陸上・洋上）は環境保護法第30条第1項に従う対象であれば、EIAを実施しなければならない。実施対象であるプロジェクトを調べるために、決議No. 08/2022付録III及び付録IVを参考にすべきである。	dự án phát điện gió (trên đất liền, trên biển) thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM trong trường hợp là đối tượng theo quy định mới tại khoản 1 Điều 30 Luật BVMT. Chi tiết các dự án cần rà soát theo Phụ lục III và Phụ lục IV Nghị định 08/2022 để xác định đối tượng tương ứng
4	旧法下で既に事業を行っている会社もライセンスを取り直さなければならぬのでしょうか。どのような手続きをいつまでに行えば良いのでしょうか。	Những doanh nghiệp đang hoạt động theo Luật cũ có phải sửa đổi lại giấy phép không? Nếu phải sửa đổi giấy phép thì phải làm thủ tục gì và thời hạn là khi nào?	有効なライセンスは、新しい環境ライセンスを申請することなく、有効期間が満了するまで引き続き使用されます（環境保護法および決議No. 08/2022を参照）。	Các giấy phép còn hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng đến khi hết thời hạn, mà không phải xin Giấy phép môi trường mới (tham khảo điều khoản chuyển tiếp trong Luật BVMT và Nghị định 08/2022)
5	1) プロジェクトは何のために3つのレベルに分けられますか。 2) 環境影響評価の対象となるプロジェクトは、どの規模・生産効率・環境基準に依拠するのでしょうか。	1) các dự án được chia làm 3 mức độ để làm gì? 2) Giấy phép môi trường có phải là Hồ sơ xin phép vận hành các công trình sử lý	3つのレベルを分けた目的は各レベルに対する適切な環境管理方法を実施することである。各投資プロジェクトは自らプロジェクトの規模・生産効率・環境基準に応じたEIA、環境ライセンス、環境登録を実施しなければならない。	Dự án được phân loại thành 3 mức độ để áp dụng các công cụ quản lý môi trường tương ứng. Tùy thuộc vào quy mô, công suất và tiêu chí môi trường của từng dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục về đánh giá tác động môi trường - giấy phép môi trường - đăng ký môi trường tương ứng
6	すべての投資プロジェクトは、環境保護法2020の第28条に従って、4つのグループI, II, IIIおよびIVのいずれかに分類される必要がありますか。または上記の4つのグループのいずれにも該当しないプロジェクトもあるのでしょうか。	Các anh giải đáp giúp em câu hỏi sau: Tất cả các dự án đầu tư đều bắt buộc phải được phân vào một trong 4 nhóm I, II, III và IV theo tiêu chí phân loại tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có đúng không? Hay là có những dự án sẽ không thuộc một trong 4 nhóm trên?	環境法第28条に基づき、全てのプロジェクトは4つのグループのいずれかに分類される必要があり、4つのグループのいずれにも該当しないプロジェクトがない。	Tất cả đều thuộc 1 trong 4 nhóm, có nhóm nào khác; đã được quy định rõ tại Điều 28 Luật BVMT
7	自動車の配電線・配電ケーブルの製造・加工・組立の工場です。既にEIAと5,000万セット/年の生産効率の登録書を持っていますが、生産効率を変更せずに、面積を増やすだけでEIAを変更した場合、それはグループI, IIまたはIIIですか。	Loại hình sx: Nhà máy sản xuất, gia công và lắp ráp bộ dây, cáp điện trong ô tô. Đã có ĐTM và Công suất đăng ký 50 triệu bộ/năm thì khi thay đổi ĐTM, không thay đổi công suất, chỉ tăng diện tích thì thuộc nhóm I hay II hay III?	投資プロジェクト規模に関する決議No. 08/2022/ND-CP第25条第1項及び規模拡大対象であるプロジェクトに関する決議No. 08/2022/ND-CP付録IIと付録IIIを参考にすべきである。	Nội dung này đề nghị rà soát các điều chỉnh về tăng quy mô (quy mô dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/ND-CP) và đối tượng dự án mở rộng quy mô (phụ lục II và phụ lục III Phụ lục Nghị định 08/2022/ND-CP) để áp dụng
8	コミュニティへの説明が義務付けられましたが、プロジェクトの実施について住民から同意を得る必要はあるのでしょうか。	Doanh nghiệp có nghĩa vụ phải tham vấn cộng đồng nhưng có cần phải được sự chấp thuận của người dân về việc thực hiện dự án hay không?	環境保護法第33条第3項に基づき、コミュニティへの説明は次のように内容がある。 a) 投資プロジェクトの実施場所 b) 投資プロジェクトの環境への影響 c) 環境への悪影響を減少する対策 d) 環境管理・監督の計画、環境事故の防止・対応策 e) 投資プロジェクトと関係があるその他の内容	Thực hiện tham vấn cộng đồng theo các nội dung quy định trong Luật BVMT tại khoản 3 Điều 33 Luật BVMT bao gồm: a) Vị trí thực hiện dự án đầu tư; b) Tác động môi trường của dự án đầu tư; c) Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; d) Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; đ) Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.
9	年間1,000万製品以上（相当4,000トン以上の製品）の生産能力があるカムシャフト、ギア、トランスミッションシャフトを製造し、有害廃棄物が発生する機械製造プロジェクトはEIA作成及び環境ライセンス申請の対象となりますか。どんなグループに属するかと教えて頂けないでしょうか。	Em xin phép có 1 câu hỏi: Với dự án gia công cơ khí sản xuất trục cam, bánh răng, trục chuyên chuyên động công suất trên 10 triệu sản phẩm/năm, khối lượng tương đương trên 4.000 tấn sp/ năm có phát sinh chất thải nguy hại có thuộc đối tượng phải lập ĐTM và giấy phép môi trường không và thuộc dự án nhóm mấy?	EIA実施、環境ライセンスの対象はプロジェクト実施場所には環境に汚染を引き起こしやすい要因があるかどうか、プロジェクトが運用された後、排水・排気ガス・有害廃棄物がどう発生するかという様々な詳細情報に基づき、決定される。プロジェクトの分類に関する決議No. 08/2022/ND-CPを参考にすべきである。	Việc xác định dự án thuộc đối tượng lập ĐTM, giấy phép môi trường được căn cứ vào các thông tin cụ thể về dự án như khu vực triển khai dự án có yếu tố nhạy cảm môi trường không? Dự án khi đi vào vận hành thì phát sinh nước thải, khí thải, chất thải nguy hại như thế nào? vv. Do đó, đề nghị Công ty căn cứ các quy định về phân loại dự án tại Nghị định số 08/2022/ND-CP để xác định cụ thể.

No.	Question 質問		Answer 回答	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
10	ベトナムでは風力発電の開発が活発であると同っています。風力発電のためのEIAにおいて、日本では鳥類への影響評価が重要なもののひとつですが、ベトナムでのEIAのなかで鳥類の影響評価はどのように位置づけられているのでしょうか？	Tôi được biết là tại Việt Nam, các dự án phát điện gió đang phát triển. Ở Nhật Bản, để thực hiện dự án phát điện gió thì doanh nghiệp cần thiết phải đánh giá ảnh hưởng tới các loài chim. Ở Việt Nam thì mức độ đánh giá ảnh hưởng tới các loài chim trong ĐTM như thế nào?	環境への影響評価レベル（風力発電プロジェクトからの鳥類への影響評価を含む）は通達No. 02/2022/TT-BTNMT環境への影響評価報告書の構成・内容に関する付録IIに制定されている。これは一般的なガイドラインであり、風力発電プロジェクトからの鳥類への影響評価レベルを詳細に制定していない。	Yêu cầu về mức độ đánh giá tác động đến môi trường (bao gồm tác động tới các loài chim từ hoạt động của dự án điện gió) được thực hiện theo phụ lục II - cấu trúc, nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Phụ lục Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đây là hướng dẫn chung, chưa có quy định cụ thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của dự án điện gió tới các loài chim
11	外資が、廃棄物処理をする事業（例えば廃棄物を回収・加工して資源化する事業）に投資をする場合、税制面などで何か優遇制度はあるのでしょうか。	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nếu đầu tư vào lĩnh vực xử lý rác thải (ví dụ: thu gom, xử lý để tái chế) thì được hưởng chính sách ưu đãi gì về thuế không?	決議No. 08/2022/ND-CP第134条に基づき、廃棄物の回収・処理・再生・再使用の企業は法人税の優遇政策を得られる。	Theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/ND-CP, loại hình thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
12	環境保護法について、具体的な手順は決議やガイドラインで示される予定はありますか。例えば資料28ページの排水・排ガスの自動・モニタリングの実施に関してはいかがでしょうか。	Việt Nam có kế hoạch ban hành Nghị định, văn bản hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường không? Vì dụ như có Nghị định hay văn bản hướng dẫn về lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải, khí thải trong trang 28 của tài liệu không?	2022年1月10日より、政府は自動的排水・排気ガスモニタリング措置に関する規則を含む環境保護法の執行規則を制定した。	Ngày 10/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/ND-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT trong đó có các quy định về quan trắc tự động nước thải, khí thải.
13	2021年に既にEIA/DMの承認を受けている既存の企業の場合、EIAから環境ライセンスに変換する時期になると、政府機関が自動的にEIAから環境ライセンスに変換してくれますか、それとも企業は環境ライセンス許可のために、自分で必要な申請書類を提出しなければならないのでしょうか。そうしなければならない場合、コンサルティング費用の2倍のコストがかかるため、企業にとっては困難になります。ご案内をお願い致します。	Đối với các doanh nghiệp hiện tại đã được phê duyệt ĐTM năm 2021, thì khi đến thời hạn phải chuyển đổi từ ĐTM sang GPMT, thì cơ quan NN có tự động chuyển đổi giúp DN từ ĐTM sang GPMT không, hay DN vẫn phải tự làm bộ hồ sơ gửi tới cơ quan chức năng để xin cấp GPMT. Nếu phải thực hiện như vậy thì DN phải tốn mất 2 lần chi phí tư vấn để thực hiện, như vậy gây ra khó khăn về phía DN. Xin giải đáp	EIAと環境ライセンスは環境管理のための2つの異なるツールのため、EIAから環境ライセンスに変換することはない。プロジェクトの期間において、環境への廃棄物の発生により、環境ライセンスが必要かどうか判断される。詳細規則は決議No. 08 /2022/ND-CPに制定されている。	ĐTM và GPMT là hai công cụ khác nhau để quản lý môi trường do đó không có sự chuyển đổi từ ĐTM sang GPMT. Tùy thuộc vào việc phát sinh chất thải ra môi trường trong quá trình hoạt động để xác định có phải đối tượng phải có GPMT hay không. Các quy định cụ thể tại Nghị định số 08/2022/ND-CP
14	風力発電のEIAにおいて、貴重な鳥類への影響は評価対象になりますでしょうか。	Trong ĐTM của dự án phát điện gió, ảnh hưởng tới các loài chim quý có thuộc đối tượng đánh giá không?	環境への影響評価レベル（風力発電プロジェクトからの鳥類への影響評価を含む）は通達No. 02/2022/TT-BTNMT環境への影響評価報告書の構成・内容に関する付録IIに制定されている。これは一般的なガイドラインであり、風力発電プロジェクトからの鳥類への影響評価レベルを詳細に制定していない。 風力発電プロジェクト活動により直接的または間接的に影響を受ける貴重な鳥および希少な鳥（Cites分類、ベトナムレッドブック等）および渡り鳥への影響の評価は必要である。	Yêu cầu về mức độ đánh giá tác động đến môi trường (bao gồm tác động tới các loài chim từ hoạt động của dự án điện gió) được thực hiện theo phụ lục II - cấu trúc, nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Phụ lục Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đây là hướng dẫn chung, chưa có quy định cụ thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của dự án điện gió tới các loài chim  Yêu cầu đánh giá ảnh hưởng đối với các loài chim quý (quý hiếm theo phân loại Cites, sách đỏ Việt Nam...) và chim di cư chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động của dự án điện gió
15	環境事故への対応計画について、企業は実施義務が付けられていますか。それとも、これは単なる企業の自主的な活動だけでしょうか（セミナーで専門家が議論した通り）。	Về kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, DN có bắt buộc phải thực hiện hay không? Hay đây chỉ là tự nguyện (như chuyên gia đã trao đổi trong buổi Hội thảo)	セミナーで議論されたように、企業は独自の環境事故対応計画を作成し、承認のために管轄当局に提出するのではなく、自ら承認する。	Như đã trao đổi tại buổi Hội thảo, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở mình và tự phê duyệt chứ không phải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
16	化学物による金属表面処理のプロセスがありますが、メッキプロセスがない工場は決議No. 08付録IIに従う対象となるのでしょうか。	Vui lòng cho hỏi là: Nhà máy có công đoạn xử lý bề mặt kim loại bằng hóa chất nhưng không phải mạ thì có thuộc Dự án mức II Phụ lục II của Nghị định 08 không ạ?	決議No. 08/2022 / ND-CPの付録IIは、化学薬品による金属表面の洗浄を伴うメッキが本付録の対象だと制定しているため、化学薬品による金属表面処理は本付録の対象ではない。	Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/ND-CP quy định loại hình mạ công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất thì mới thuộc Phụ lục này, do đó các loại hình xử lý bề mặt kim loại bằng hóa chất không thuộc trường hợp này.
17	私の会社は外資会社であり、オフィスビルディングの中に本社があります（設計・管理コンサルタント事業に係る投資プロジェクトに対する投資登録証明書の下で設立されました）。弊社のプロジェクトはグループIVだと認められるでしょうか。	Bên em là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở tại tòa nhà văn phòng (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án đầu tư liên quan đến hoạt động thiết kế và tư vấn quản lý). Như vậy dự án bên em cho việc thành lập công ty như nêu trên đây có được coi là dự án đầu tư nhóm IV không?	環境に関する手続き（環境影響評価、環境ライセンス、環境登録）は、投資法の規則に従う投資プロジェクトに適用され、この投資プロジェクトは環境保護法の規則に従って投資プロジェクトの対象に該当する必要がある。会社を設立した場合は、環境登録に関する規則（環境保護法第49条第1項）または環境登録の免除（環境保護法第49条第2項）に従って、投資プロジェクトに適している申請を把握するべきである。	Thủ tục về môi trường (đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường) được áp dụng với các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các dự án đầu tư này phải thuộc đối tượng các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về BVMT. Trường hợp thành lập công ty để nghỉ rà soát theo quy định về đăng ký môi trường (Khoản 1 Điều 49 Luật BVMT) hoặc miễn đăng ký môi trường (khoản 2 Điều 49 Luật BVMT) để áp dụng, lưu ý rà soát áp dụng phù hợp với dự án đầu tư
18	弊社の投資プロジェクトはハイテックパークのR&Dゾーンにおける分析・実験・研究に係るプロジェクトであり、有害廃棄物を発生し、排水・排気ガスの容量が5m3/日であり、排水・排気ガスの成分が基準を満たし、排水処理システムがハイテックパークの排水処理システムに接続していますが、決議No. 08に従うグループIVだと認められますか。	Nhờ anh chị giải đáp giúp em: Dự án đầu tư được mô tả như sau có thuộc dự án đầu tư nhóm IV không: Dự án đầu tư liên quan đến phân tích, thử nghiệm, nghiên cứu nằm trong khu R&D khu công nghệ cao, có phát sinh chất thải nguy hại; có ô lưu lượng nước thải, khí thải dưới 5m3/ngày, thành phần nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn; hệ thống xử lý nước thải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghệ cao.	環境保護法に基づき、グループIVのプロジェクトは、グループ1、11、111のプロジェクトの対象とならないプロジェクトである。自らのプロジェクトを決定するために、御社はグループ1、11、111のプロジェクトの特定の基準を参考にすべきである。	Luật BVMT quy định dự án nhóm IV là dự án không thuộc đối tượng dự án nhóm I, II và III. Do đó, quy Đại biểu cần cơ vào các tiêu chí cụ thể của các dự án nhóm I, II, III để xác định dự án của mình.
19	KES殿は、これまでに鳥類等の生物調査を行ったご経験はありますか。今後、日本のコンサルタントとの協業も含めて鳥類調査に関して、ご関心はありますか（例：レーダーを用いた鳥類調査等）。	Công ty KES đã có kinh nghiệm về khảo sát sinh vật như các loài chim chưa? Công ty có quan tâm tới việc hợp tác với công ty tư vấn của Nhật Bản để khảo sát các loài chim không (ví dụ như sử dụng Radar để khảo sát các loài chim)?	ベトナムでの経験はありません。日本の親会社（環境管理センター）では経験があります。	Chưa có kinh nghiệm tại Việt Nam nhưng công ty mẹ ở bên Nhật (Trung tâm Quản lý Môi trường) đã có kinh nghiệm

No.	Question 質問		Answer Answer	
	Japanese 日本語	Vietnamese	Japanese 日本語	Vietnamese
20	法改正によって環境ライセンスが必要であることは分かりましたが、法改正後のスケジュールが明確にできていません。EIAで廃棄物モニタリングを計画していません。以前は工場の建築申請前にEIA審査によって確認していたとの情報がありますが、法改正によって現在は必要ないですか？もし必要ない場合、法改正後の手順は①建築審査後に環境ライセンスを申請、②試運転で廃棄物モニタリングを行いレポートする、との認識でよいですか？また、法規制の1月以降に環境ライセンスを取得した企業はありますか？	Tôi đã hiểu cần phải có giấy phép môi trường do Luật sửa đổi nhưng kế hoạch sau khi sửa đổi Luật chưa rõ ràng. Chúng tôi đang lập kế hoạch quan trắc chất thải trong DTM. Trước đây, có thông tin cho rằng là cần phải có kế hoạch quan trắc chất thải trong thăm định DTM trước khi xin phép xây dựng nhà máy nhưng nay thì không cần nữa do Luật sửa đổi. Nếu trong trường hợp không cần nữa thì trình tự sau khi Luật sửa đổi sẽ là: (1) Xin giấy phép môi trường sau khi thăm định xây dựng, (2) Báo cáo lắp đặt thiết bị quan trắc chất thải khi vận hành thử, có phải không? Có doanh nghiệp nào có được giấy phép môi trường sau 1 tháng theo quy định không?	法律の施行日より前に執行された廃棄物処理試運転のケースを除き、法律に基づき、EIA執行の対象となる投資プロジェクトは、廃棄物処理試運転の前に環境ライセンスを取得しなければならない。この場合、投資プロジェクトの投資家は、試運転を継続し、廃棄物処理の試運転が完了した後、環境ライセンスを申請するか、又は試用期間が終了する前に環境ライセンスの書類を申請するかを選択することができる。具体的には、環境保護法第42条第2項の規定を参考にすべきである。	Luật quy định dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện DTM phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, trừ trường hợp đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Luật có hiệu lực thi hành; trong trường hợp này, chủ dự án đầu tư được lựa chọn tiếp tục vận hành thử nghiệm để được cấp giấy phép môi trường sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc lập hồ sơ để được cấp giấy phép môi trường trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm. Cụ thể hơn, quý Đại biểu có thể xem quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật BVMT.
21	セミナーで発表された資料をもらえないでしょうか。	Em muốn hỏi tài liệu trong hội thảo ngày hôm nay sau có xin được không ạ?	セミナーの資料は、JEASが指定した以下のURLからダウンロードが可能です。なお、講師が他から引用した部分もあるため、資料の転用はお控えください。 <a href="https://jeas.org/20220331lep2020/">https://jeas.org/20220331lep2020/</a>	Quý vị có thể tải tài liệu theo đường link của JEAS như dưới đây. Tuy nhiên, quý vị không nên chuyển gửi tài liệu này vì có nhiều nội dung đã được diễn giả trích dẫn từ nguồn khác. <a href="https://jeas.org/20220331lep2020/">https://jeas.org/20220331lep2020/</a>
22	決議08の4つの分類は、投資プロジェクトを分類するものですか。それとも、会社を分類するものですか。	4 nhóm được phân loại trong Nghị định 08 là phân loại theo dự án đầu tư hay là phân loại theo doanh nghiệp?	投資プロジェクトによる分類である。	Phân loại theo dự án đầu tư
23	弊社の環境ライセンスは2013年に発行されましたが、今まで、更新する必要はありますか。	Vui lòng cho hỏi, giấy phép môi trường được cấp từ năm 2013, đến nay có cần cập nhật thay đổi không?	これは、発行された環境ライセンスの種類によって異なる。具体的には、環境保護法第42条第2項を参考にすべきである。	Điều này phụ thuộc vào loại giấy phép môi trường đã được cấp. Cụ thể hơn, quý Đại biểu xem tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật BVMT.
24	私は次のような質問があります。 1. 決議No. 08/2022第29条第2項は試運転を実施している施設に対する環境ライセンス許可の申請の提出期間の「試運転終了後に環境ライセンス許可の申請を提出する期間を自分で決定するが、省レベルの人民委員会からの許可発行が必要であるケースは環境ライセンスが発行されるまで、30日以内に決定する」と制定しています。環境ライセンスを取得する具体的な期間は、いつですか。試運転終了後30日以内と理解しても良いでしょうか。 2. 私の会社は10ヘクタールの面積で太陽光発電システムを設置したいのですが、投資総額が変わりません。この場合は環境ライセンス許可の手続きを執行する必要がありますでしょうか。 (この太陽光発電システムは社内使用のみです)	Tôi có câu hỏi như sau: 1/ theo khoản 2 điều 29 của Nđ 08/2022 có quy định về thời điểm nộp hồ sơ cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng đang Vận hành thử nghiệm là "tự quyết định thời điểm nộp hồ sơ để nghị cấp phép môi trường sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm nhưng chậm nhất trước 30 ngày đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh, tính đến thời điểm có giấy phép môi trường". Vậy cụ thể thời điểm có giấy phép môi trường là thời điểm nào, có được hiểu là trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc Vận hành thử nghiệm không? 2/ nếu công ty tôi muốn xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời, diện tích k 10ha, và không làm thay đổi tổng vốn đầu tư. Vậy công ty có cần phải thực hiện thủ tục xin phép môi trường gì không? (Hệ thống mặt trời này cũng chỉ dùng cho nội bộ)	1. 環境ライセンスを取得する時期は、試運転終了時である。 2. この内容は、プロジェクトの運営中に環境に排出される廃棄物次第である。環境保護法に基づき、環境ライセンスが必要な対象は処理される必要のある排水・粉塵・排気ガスを発生する又は廃棄物管理に関する規則に基づき正式に運用中で管理する必要がある有害廃棄物を発生するグループI、グループIIおよびグループIIIの投資プロジェクトである。	1. Thời điểm có GPMT là khi kết thúc vận hành thử nghiệm. 2. Nội dung này cần căn cứ vào chất thải xả ra môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Luật BVMT quy định đối tượng phải có GPMT là: Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.
25	化学物による金属表面処理のプロセスがありますが、メッキプロセスがない工場は決議No. 08付録IIIに従うグループIIの対象となるでしょうか。	Vui lòng cho hỏi là: Nhà máy có công đoạn xử lý bề mặt kim loại bằng hóa chất nhưng không phải mạ thì có thuộc Dự án mức II Phụ lục II của Nghị định 08 không ạ	上記の回答の通り	Đã trả lời ở trên
26	自動車の配電線・配電ケーブルの製造・加工・組立の工場です。すでにEIAと5,000万セット/年の生産効率の登録書を持っていますが、生産効率を変更せずに、面積を増やすだけでEIAを変更した場合、それはグループI、II、またはIIIでしょうか。	Loại hình sản xuất: Nhà máy sản xuất, gia công và lắp ráp bộ dây, cáp điện trong ô tô. Đã có DTM và Công suất đăng ký 50 triệu bộ/năm thì khi thay đổi DTM, không thay đổi công suất, chỉ tăng diện tích thì thuộc nhóm I hay II hay III?	投資プロジェクト規模に関する決議No. 08/2022/ND-GP第25条第1項及び規模拡大対象であるプロジェクトに関する決議No. 08/2022/ND-GP付録IIと付録IIIを参考にすべきである。	Nội dung này đề nghị rà soát các điều chỉnh về tăng quy mô (quy mô dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/ND-CP) và đối tượng dự án mở rộng quy mô (phụ lục II và phụ lục III Phụ lục Nghị định 08/2022/ND-CP) để áp dụng
27	私たちは工業団地における100%外資の会社です。アルミ金型および鋳造製品の製造分野において事業を行っています。生産能力は年間8,000トンの製品です。弊社はグループIIIまたはグループIVに属していますか。	Chúng tôi là công ty 100% vốn nước ngoài, nằm trong KCN. Hoạt động trong lĩnh vực SX khuôn mẫu và đúc SP nhôm. CS là 8000 Tấn SP/Năm thì chúng tôi thuộc nhóm III hay IV	グループIIIの投資プロジェクトは、決議No. 08/2022/ND-GPの付録VIに制定されている。プロジェクトをグループIIIまたはグループIVに分類するために、投資プロジェクトの規模、効率及びその他の環境基準（投資方針、廃棄物量、環境に引き起こしやすい要因等）を確認するべきである。	Đối tượng dự án đầu tư nhóm III đã được quy định cụ thể trong Phụ lục V của Nghị định 08/2022/ND-CP. Đề nghị rà soát quy mô, công suất của dự án đầu tư và các tiêu chí về môi trường khác (chủ trương đầu tư, khối lượng chất thải, yếu tố nhạy cảm về môi trường...) để phân loại dự án thuộc nhóm III hoặc nhóm IV